

Bản án số: **183/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 05 - 3 - 2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thu Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Ngọc Tuấn

Ông Nguyễn Văn Tính.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Yến Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 513/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tố N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Phường R, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Công H (H Cong Bui), sinh năm 1975

Địa chỉ: San Jose CA 95122 USA.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tố N trình bày:

Bà và ông Bùi Công H tự nguyện kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2005 ngày 10/5/2005, quyển số 01/P14 của Ủy ban nhân dân Phường R, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc. Sau đó ông H xuất cảnh sang sinh sống tại Hoa Kỳ. Từ khi sống ở Hoa Kỳ, ông H ít liên lạc và ít trở về Việt Nam thăm bà. Do đó tình cảm vợ chồng không còn. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hai người ở xa cách nhau,

cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên bà xin ly hôn với ông Bùi Công H.

Về con chung: Bà N và ông H có hai con chung tên Bùi Ngọc Tố T (nữ), sinh ngày 11/8/2006, Bùi Ngọc Tố T (nữ), sinh ngày 17/4/2012 hiện nay đang sống cùng bà N tại Việt Nam. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng 1.000.000 đồng/trẻ/tháng cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo văn bản trình bày ý kiến được hợp pháp hóa lãnh sự tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ, bị đơn là ông Bùi Công H (H Cong Bui) trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Tố N tự nguyện kết hôn với nhau năm 2005 có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống một thời gian thì ông xuất cảnh sang Hoa Kỳ sinh sống. Từ khi sang Hoa Kỳ ông ít liên lạc và ít trở về Việt Nam thăm bà N. Vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau. Nhận thấy hai người ở hai nơi cách xa nhau, không xây dựng được gia đình hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài nên nay bà N xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Bùi Ngọc Tố T (nữ), sinh ngày 11/8/2006, Bùi Ngọc Tố T (nữ), sinh ngày 17/4/2012 hiện nay đang sống cùng bà N tại Việt Nam. Ông H đồng ý giao hai con cho bà N nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng 1.000.000 đồng/trẻ/ tháng cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Nguyễn Thị Tố N và ông Bùi Công H (H Cong Bui) đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự; về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự; về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: bà N và ông H chung sống có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, theo như hai bên đương sự trình bày thì sau khi kết hôn chỉ hạnh phúc một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn, trên thực tế hiện nay mỗi người mỗi nơi, cả hai xác định không còn tình cảm với nhau, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được; nay bà N ông H thống nhất ly hôn là có cơ sở, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn; giao con chung cho mẹ nuôi, ông H tự

nguyện cấp dưỡng nuôi con, xác định tài sản chung không có, nợ chung không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Tố N đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin ly hôn với ông Bùi Công H (H Cong Bui) hiện đang sinh sống tại Hoa Kỳ. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Tố N và ông Bùi Công H (H Cong Bui) tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 05/3/2019 nhưng bà Nguyễn Thị Tố N và ông Bùi Công H (H Cong Bui) cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Tố N và ông Bùi Công H (H Cong Bui) có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường R, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2005 ngày 10/5/2005, quyển số 01/P14 của nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà N ông H trình bày thì sau khi kết hôn sống hạnh phúc một thời gian thì ông H đi định cư tại Hoa Kỳ, còn bà N cùng hai con chung sinh sống ở Việt Nam đến nay. Bà N ông H thừa nhận do khoảng cách về địa lý, hai bên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, không còn khả năng hàn gắn vì vậy hai bên thống nhất sẽ ly hôn. Vì vậy, khi bà N khởi kiện xin ly hôn, ông H đã gửi văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà N, vì vậy yêu cầu của bà N xin ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Bùi Ngọc Tố T (nữ), sinh ngày 11/8/2006, Bùi Ngọc Tố T (nữ), sinh ngày 17/4/2012 hiện nay đang sống cùng bà N tại Việt Nam. Bà N xin được nuôi con, ông H đồng ý giao hai con cho bà N nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng 1.000.000 đồng/trẻ/ tháng cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi. Xét việc thỏa thuận này là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tố N và ông Bùi Công H (H Cong Bui) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 262, Điều 266, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tố N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tố N được ly hôn với ông Bùi Công H (H Cong Bui).

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Bùi Ngọc Tố T (nữ), sinh ngày 11/8/2006, Bùi Ngọc Tố T (nữ), sinh ngày 17/4/2012 cho mẹ là bà Nguyễn Thị Tố N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Bùi Công H (H Cong Bui) cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/trẻ/tháng cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Tố N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Tố N đã nộp theo biên lai thu tạm tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0045947 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Tố N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Bùi Công H (H Cong Bui) phải chịu.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chưa thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con như trên thì hàng tháng ông H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tố N được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Bùi Công H (H Cong Bui) có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Phường R, quận T, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (T/17).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu Phương**